



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Phong Nhã	Chủ tịch
Ông Phan Bằng Việt	Ủy viên
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên
Ông Lê Bật Hùng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Khánh Quyền	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đỗ Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Tiệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 033025/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.791.757.891	113.894.963.688
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.494.739.840	23.947.516.825
1. Tiền	111		11.851.126.820	23.337.516.825
2. Các khoản tương đương tiền	112		643.613.020	610.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.824.326.083	88.343.540.063
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.240.071.455	40.644.779.976
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.802.224.326	10.525.416.177
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	70.264.151.205	34.566.030.651
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.517.879.097	2.607.313.259
III. Hàng tồn kho	140	V.7	1.471.232.360	270.636.817
1. Hàng tồn kho	141		1.471.232.360	270.636.817
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.459.608	1.333.269.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.459.608	354.865.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	978.404.445
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276.814.483.805	298.775.562.774
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.912.406.137	7.871.075.551
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.912.406.137	7.871.075.551
II. Tài sản cố định	220		244.490.206.940	265.223.370.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	242.189.066.713	262.330.268.867
- Nguyên giá	222		406.788.722.657	400.408.708.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(164.599.655.944)	(138.078.439.866)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.301.140.227	2.893.101.827
- Nguyên giá	228		3.724.769.595	3.724.769.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.423.629.368)	(831.667.768)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		15.627.000.000	15.627.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	15.627.000.000	15.627.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.784.870.728	10.054.116.529
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	8.784.870.728	10.054.116.529
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.606.241.696	412.670.526.462

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		159.057.113.859	159.801.237.292
I. Nợ ngắn hạn	310		111.937.436.099	87.389.728.611
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	42.195.843.847	59.742.400.189
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.347.033.245
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.436.745.870	4.647.495.230
4. Phải trả người lao động	314		844.465.020	1.402.708.922
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13a	7.567.327.160	592.267.473
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	37.269.035.437	126.223.552
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	18.531.600.000	18.531.600.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.092.418.765	-
II. Nợ dài hạn	330		47.119.677.760	72.411.508.681
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13b	774.542.745	7.534.773.666
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	46.345.135.015	64.876.735.015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255.549.127.837	252.869.289.170
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	255.549.127.837	252.869.289.170
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.924.187.646	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.282.410.191	66.526.759.170
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.343.952.759	(59.490.267.013)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		41.938.457.432	126.017.026.183
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511.530.000	511.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.606.241.696	412.670.526.462

Na

Lâm Thị Lê Na
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na

Lâm Thị Lê Na
Kế toán trưởng



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	103.148.822.928	91.149.685.340
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		103.148.822.928	91.149.685.340
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.323.758.107	54.101.394.859
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.825.064.821	37.048.290.481
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.930.200.854	919.372.230
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.278.422.056	(35.048.149.087)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.274.022.056	8.007.549.157
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.619.327.806	2.413.792.688
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.857.515.813	70.602.019.110
9. Thu nhập khác	31	V.5	7.074.418.762	62.518.425.951
10. Chi phí khác	32	V.6	5.849.719.332	3.342.891.008
11. Lợi nhuận khác	40		1.224.699.430	59.175.534.943
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.082.215.243	129.777.554.053
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	5.143.757.811	3.760.527.870
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.938.457.432	126.017.026.183

Na

Lim Thị Lê Na
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na

Lim Thị Lê Na
Kế toán trưởngLê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.739.070.505	110.964.823.069
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(36.359.383.422)	(20.627.130.849)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.391.304.000)	(4.076.590.723)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.283.341.377)	(28.248.596.265)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(6.940.973.807)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	33.077.974.361	965.185.900
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(51.481.247.197)	(22.123.980.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.360.795.063	36.853.710.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.380.013.924)	(77.286.937.373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	71.991.596.415
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(67.248.120.554)	(52.166.030.651)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.550.000.000	17.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.796.143.014	897.300.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.281.991.464)	(38.964.070.779)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	87.198.103.737	138.104.110.518
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(105.729.703.737)	(121.100.052.812)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.531.600.000)	17.004.057.706
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(11.452.796.401)	14.893.697.837
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.947.516.825	9.053.838.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.416	(19.558)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.494.739.840	23.947.516.825

Na
Lâm Thị Lê Na
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na
Lâm Thị Lê Na
Kế toán trưởng

Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 6 ngày 19 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 185.831.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm tỷ tám trăm ba mươi một triệu đồng) và 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 40 người (31 tháng 12 năm 2016 là 45 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng xảy ra trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 01 Công ty con sau

- (i) Công Ty TNHH Một Thành Viên Thủy Điện Sao Va (“Công ty con”) là công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901649146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty con tại Bản Đôn Cón, Xã Mường Nọc, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An.

Công ty có trụ sở tại Bản Đôn Cón, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, quyền chuyển nhượng mỏ đá và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, quyền chuyển nhượng mỏ đá, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm, quyền chuyển nhượng mỏ đá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, tài sản cố định vô hình khác là các chi phí bỏ ra để được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Mỏ đá Pù Càng do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp trong năm 2015 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa đã được trả trước. Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng còn lại.

Các khoản trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền là không chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Do Công ty hoạt động trong địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% lợi nhuận thu được trong 15 năm kể từ năm 2009, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với lĩnh vực bán điện và truyền tải điện. Năm 2017 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Các hoạt động kinh doanh khác áp dụng mức thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.208.242.206	888.574.510
Tiền gửi ngân hàng	8.642.884.614	22.448.942.315
Các khoản tương đương tiền (*)	643.613.020	610.000.000
Cộng	12.494.739.840	23.947.516.825

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 5,5%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ	31.377.550.159	31.377.550.159
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	9.101.086.032	8.579.083.293
Công ty Cổ phần Za Hưng	1.479.238.281	570.962.624
Phải thu các đối tượng khác	282.196.983	117.183.900
Cộng	42.240.071.455	40.644.779.976
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.2)	189.712.465	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 18	2.431.645.403	2.431.645.403
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng HEC	1.732.265.043	1.732.265.043
Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế xây dựng Công trình	892.417.380	892.417.380
Công ty TNHH Tư vấn năng lượng và môi trường	377.548.683	377.548.683
Trả trước cho các đối tượng khác	4.368.347.817	5.091.539.668
Cộng	9.802.224.326	10.525.416.177

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	70.264.151.205	34.566.030.651
Cộng	70.264.151.205	34.566.030.651
b) Phải thu về cho vay các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.2)	70.264.151.205	34.566.030.651

Khoản cho Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn vay theo các hợp đồng cho vay thời hạn dưới một năm, lãi suất cho vay 7%/năm. Lãi phát sinh hàng kỳ được nhập gốc cho vay. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	773.358.130	840.544.278
Phải thu khác	744.520.967	1.766.768.981
- Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	707.102.100	-
- Các khoản khác	37.418.867	1.766.768.981
Cộng	1.517.879.097	2.607.313.259
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	774.542.245	558.397.000
Phải thu khác	7.137.863.892	7.312.678.551
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	7.137.863.892	7.312.678.551
Cộng	7.912.406.137	7.871.075.551
c. Phải thu khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.2)	7.844.965.992	7.312.678.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.459.608	354.865.538
Cộng	1.459.608	354.865.538
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	293.372.684	696.055.767
Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc	8.391.948.082	9.055.920.649
Chi phí trả trước dài hạn khác	99.549.962	302.140.113
Cộng	8.784.870.728	10.054.116.529

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	30.413.181	-	270.636.817	-
Thành phẩm	1.440.819.179	-	-	-
Cộng	1.471.232.360	-	270.636.817	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đôn Cón, xã Mường Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	283.170.471.444	115.713.076.380	1.404.342.727	120.818.182	400.408.708.733
Mua trong năm	150.530.887	-	-	-	150.530.887
Đầu tư XD/CB hoàn thành	6.229.483.037	-	-	-	6.229.483.037
Tại ngày 31/12/2017	289.550.485.368	115.713.076.380	1.404.342.727	120.818.182	406.788.722.657
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	89.867.254.115	47.784.312.679	328.600.345	98.272.727	138.078.439.866
Khấu hao trong năm	18.293.076.893	8.003.517.974	213.348.484	11.272.727	26.521.216.078
Tại ngày 31/12/2017	108.160.331.008	55.787.830.653	541.948.829	109.545.454	164.599.655.944
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	193.303.217.329	67.928.763.701	1.075.742.382	22.545.455	262.330.268.867
Tại ngày 31/12/2017	181.390.154.360	59.925.245.727	862.393.898	11.272.728	242.189.066.713

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.506.104.837 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 865.403.244 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 226.692.790.782 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 245.845.836.483 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Quyền chuyển nhượng mỏ đá VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	173.000.000	1.924.000.000	1.627.769.595	3.724.769.595
Tại ngày 31/12/2017	173.000.000	1.924.000.000	1.627.769.595	3.724.769.595
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	173.000.000	183.901.636	474.766.132	831.667.768
Khấu hao trong năm	-	320.666.667	271.294.933	591.961.600
Tại ngày 31/12/2017	173.000.000	504.568.303	746.061.065	1.423.629.368
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	-	1.740.098.364	1.153.003.463	2.893.101.827
Tại ngày 31/12/2017	-	1.419.431.697	881.708.530	2.301.140.227

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đôn Cồn, xã Mường Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	15.627.000.000	(*)	15.627.000.000	(*)
Cộng	15.627.000.000		15.627.000.000	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

Chi tiết đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Sao Va	Tỉnh Nghệ An	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đôn Cón, xã Mương Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
11. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Prime Trung Tín	3.119.752.851	3.119.752.851	6.963.146.819	6.963.146.819
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	-	-	6.582.537.429	6.582.537.429
Công ty TNHH Thiên Xứng	2.059.298.363	2.059.298.363	2.059.298.363	2.059.298.363
Chi nhánh Xí nghiệp tập thể thương binh đoàn Sao vàng	1.818.196.500	1.818.196.500	1.818.196.500	1.818.196.500
Phải trả cho các đối tượng khác	35.198.596.133	35.198.596.133	42.319.221.078	42.319.221.078
Cộng	42.195.843.847	42.195.843.847	59.742.400.189	59.742.400.189
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.2)	849.058.679	849.058.679	6.582.537.429	6.582.537.429
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	510.540.276	10.708.268.800	10.197.728.524	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.930.601.589	5.143.757.811	6.940.973.807	3.727.817.585
Thuế thu nhập cá nhân	75.789.973	81.160.365	12.108.629	6.738.237
Thuế tài nguyên	919.814.032	7.143.714.193	7.136.839.569	912.939.408
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	34.806.000	34.806.000	-
Thuế khác	-	19.244.880	19.244.880	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.662.548	17.662.548	-
Cộng	3.436.745.870	23.148.614.597	24.359.363.957	4.647.495.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	57.498.139	58.814.618
Các khoản khác	7.509.829.021	533.452.855
Tổng	7.567.327.160	592.267.473
b. Dài hạn		
Trích trước chi phí cải tạo môi trường mỏ đá Pù Càng (*)	774.542.745	558.397.500
Trích trước chi phí khác	-	6.976.376.166
Cộng	774.542.745	7.534.773.666

(*) Trích trước chi phí cải tạo môi trường Mỏ đá Pù Càng theo dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ tổng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường của UBND tỉnh Nghệ An ngày 26 tháng 06 năm 2015.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả tiền cổ tức các cổ đông	37.166.200.000	-
Phải trả, phải nộp khác	102.835.437	126.223.552
Cộng	37.269.035.437	126.223.552
b) Phải trả khác các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.2)	28.606.160.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Dàn Cốt, xã Mường Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất (*)	-	-	87.198.103.737	87.198.103.737	-	-
Cộng	-	-	87.198.103.737	87.198.103.737	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.16)	18.531.600.000	18.531.600.000			18.531.600.000	18.531.600.000
Cộng	18.531.600.000	18.531.600.000			18.531.600.000	18.531.600.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thạch Thất theo Hợp đồng thấu chi số 01/2017/HD ngày 05 tháng 01 năm 2017. Giá trị hạn mức thấu chi tối đa 60.000.000.000 đồng. Thời hạn thấu chi tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp hạn mức thấu chi. Lãi suất thấu chi được điều chỉnh 03 tháng/lần vào đầu mỗi quý theo quy định của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, đảm bảo không thấp hơn lãi suất tiền gửi dùng làm tài sản đảm bảo, lãi suất áp dụng hết 31/03/2017 là 6,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay thấu chi là bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời của Bên vay do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay thấu chi là hợp đồng tiền gửi số 01/HĐTG ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Công ty có giá trị 18 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONGBán Đồn Cóm, xã Mường Nọc,
huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*MÃ SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	64.876.735.015	64.876.735.015	-	18.531.600.000	83.408.335.015	83.408.335.015
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An (*)	64.876.735.015	64.876.735.015	-	18.531.600.000	83.408.335.015	83.408.335.015
Cộng vay dài hạn	64.876.735.015	64.876.735.015	-	18.531.600.000	83.408.335.015	83.408.335.015
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	18.531.600.000	18.531.600.000			18.531.600.000	18.531.600.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An	18.531.600.000	18.531.600.000			18.531.600.000	18.531.600.000
Cộng	46.345.135.015	46.345.135.015			64.876.735.015	64.876.735.015

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng số 0173/2016/HĐTD-DN ngày 27 tháng 05 năm 2016. Tổng số tiền vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong năm. Mục đích vay thanh toán tiền cho nhà thầu, bù đắp chi phí đầu tư Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Bản Cốc. Bảo đảm tiền vay là toàn bộ bất động sản và máy móc thiết bị của Nhà máy thủy điện Bản Cốc tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu trả nợ sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	18.531.600.000	18.531.600.000
Trong năm thứ hai	18.531.600.000	18.531.600.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	27.813.535.015	46.345.135.015
Cộng	64.876.735.015	83.408.335.015
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	18.531.600.000	18.531.600.000
Số phải trả sau 12 tháng	46.345.135.015	64.876.735.015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
 Bản Đồn Cón, xã Mường Nọc,
 huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

MÃ SỐ B 09 - DN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu	a. Biến động vốn chủ sở hữu	Vốn góp của	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Nguồn vốn	Tổng cộng
		chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	đầu tư XD/CB	VND
		VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016		185.831.000.000	-	(59.490.267.013)	511.530.000	126.852.262.987
Lãi trong năm		-	-	126.017.026.183	-	126.017.026.183
Số dư tại ngày 31/12/2016		185.831.000.000	-	66.526.759.170	511.530.000	252.869.289.170
Lãi trong năm		-	-	41.938.457.432	-	41.938.457.432
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)		-	20.924.187.646	(20.924.187.646)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)		-	-	(2.092.418.765)	-	(2.092.418.765)
Trả cổ tức (*)		-	-	(37.166.200.000)	-	(37.166.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017		185.831.000.000	20.924.187.646	48.282.410.191	511.530.000	255.549.127.837

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/QPH-DHĐCĐ-NQ ngày 18 tháng 08 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu phổ thông	18.583.100	18.583.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	98.792.562.968	84.047.136.964
Doanh thu bán đá	-	904.742.610
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.356.259.960	6.197.805.766
Cộng	<u><u>103.148.822.928</u></u>	<u><u>91.149.685.340</u></u>
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.2)	<u><u>991.450.761</u></u>	<u><u>762.743.947</u></u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán điện	43.765.858.598	45.005.076.374
Giá vốn bán đá	-	4.298.639.860
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.557.899.509	5.595.256.828
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(797.578.203)
Cộng	<u><u>48.323.758.107</u></u>	<u><u>54.101.394.859</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.796.143.014	919.372.230
Lãi chênh lệch tỷ giá	134.057.840	-
Cộng	4.930.200.854	919.372.230

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	8.274.022.056	8.007.549.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.400.000	19.795.641
Chi phí lãi vay được miễn giảm	-	(44.137.682.752)
Chi phí tài chính khác	-	1.062.188.867
Cộng	8.278.422.056	(35.048.149.087)

5. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ thanh lý một phần giá trị đường dây 110KV Trường Bành - Ngã Ba Săng Lê	-	62.518.408.651
Thu nhập từ bán quyền giảm phát thải	6.897.411.263	-
Các khoản thu nhập khác	177.007.499	17.300
Cộng	7.074.418.762	62.518.425.951

6. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí tư vấn bán quyền giảm phát thải	3.417.358.795	-
Giảm giá trị tài sản đường dây 110 KV Trường Bành	-	3.276.035.811
Chi phí giải phóng mặt bằng Cửa Lò không được cấp phép	1.742.768.981	-
Các khoản phạt	548.392.138	39.369.941
Chi phí khác	141.199.418	27.485.256
Cộng	5.849.719.332	3.342.891.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Năm 2017	Hoạt động được ưu đãi thuế	Hoạt động không được ưu đãi thuế	Tổng
Doanh thu	103.148.822.928	-	103.148.822.928
Giá vốn	48.323.758.107	-	48.323.758.107
Doanh thu hoạt động tài chính	828.178.835	4.102.022.019	4.930.200.854
Chi phí tài chính	7.780.868.370	497.553.686	8.278.422.056
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.619.327.806	-	5.619.327.806
Thu nhập khác	6.897.411.263	177.007.499	7.074.418.762
Chi phí khác	3.417.358.795	2.432.360.537	5.849.719.332
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.733.099.948	1.349.115.295	47.082.215.243
Các khoản điều chỉnh tăng	1.165.600.431	1.742.768.981	2.908.369.412
- Chi phí không được trừ	1.165.600.431	1.742.768.981	2.908.369.412
Thu nhập tính thuế	46.898.700.379	3.091.884.276	49.990.584.655
Thuế suất	10%	20%	
Thuế TNDN	4.689.870.038	618.376.855	5.308.246.893
Giảm thuế	50%		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.344.935.019	618.376.855	2.963.311.874
Chi phí thuế TNDN năm 2016 nộp bổ sung trong năm 2017			2.010.198.346
Thuế TNDN truy thu theo các biên bản kiểm tra thuế			170.247.591
Thuế TNDN			5.143.757.811

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.659.824.458	1.104.081.105
Chi phí nhân công	4.261.455.501	5.293.125.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.113.177.678	26.793.148.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.282.101.458	18.238.378.996
Chi phí khác bằng tiền	2.843.637.669	5.950.279.939
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.082.867.605)
Cộng	54.160.196.764	56.296.146.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn
Ông Thái Phong Nhã
Công ty Cổ phần Prime Quế Phong

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty mẹ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty con của Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	991.450.761	762.743.947
Công ty Cổ phần Prime Quế Phong	4.356.259.960	-
Cộng	991.450.761	762.743.947
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	4.291.293.376	5.985.224.844
Cộng	4.291.293.376	5.985.224.844
Lãi cho vay phát sinh		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	4.102.022.019	1.318.283.571
Ông Thái Phong Nhã	-	1.403.970.459
Cộng	4.102.022.019	2.722.254.030
Cho vay trong năm		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	67.148.120.554	50.400.000.000
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	100.000.000	-
Cộng	67.148.120.554	50.400.000.000
Thu hồi tiền cho vay		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	31.450.000.000	16.865.613.042
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	100.000.000	-
Cộng	31.550.000.000	16.865.613.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	189.712.465	-
Cộng	189.712.465	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	-	305.697.029
Nhà máy thủy điện Nậm Cắn	-	91.663.256
Cộng	-	305.697.029
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	849.058.679	6.582.537.429
Cộng	849.058.679	6.582.537.429
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	28.606.160.000	-
Cộng	28.606.160.000	-
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	70.264.151.205	34.566.030.651
Cộng	70.264.151.205	34.566.030.651
Lãi vay phải trả		
Ông Thái Phong Nhã	57.498.139	58.814.618
Cộng	57.498.139	58.814.618
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	7.844.965.992	7.312.678.551
Cộng	7.844.965.992	7.312.678.551

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và thưởng	205.738.000	221.300.000
Cộng	205.738.000	221.300.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kèm riêng theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Na

Lim Thị Lê Na
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Na

Lim Thị Lê Na
Kế toán trưởng



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc